

Số: 622/BC-LTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2016

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG DẠY NGHỀ QUÝ I NĂM 2016
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

TÌNH HÌNH CHUNG

1. Thông tin chung về cơ sở đào tạo:

Tên trường: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tên tiếng Anh: **LY TU TRONG TECHNICAL COLLEGE OF HO CHI MINH CITY**

Tên viết tắt: Không có

Ngày thành lập: 03/02/2005

Tổng số đơn vị trực thuộc: 23

Trong đó tổng số khoa đào tạo: 09

Địa chỉ trụ sở chính: 390 Hoàng Văn Thụ, phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0838440567

Fax: 0838118676

Email: lytutrong@lttc.edu.vn

Website: www.lttc.edu.vn

Hiệu trưởng: **PHẠM HỮU LỘC**

Điện thoại: 0838441198

Email: phamhuulocltt@yahoo.com

2. Những biến động trong quá trình hoạt động:

Đầu năm học 2015 – 2016, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh có 04 thành viên Ban Giám hiệu. Tuy nhiên có 01 Phó Hiệu trưởng đã nghỉ điều trị bệnh từ tháng 7/2015 và mất vào tháng 02/2016 do mắc bệnh hiểm nghèo. Như vậy, hiện nay Ban Giám hiệu nhà trường chỉ có 03 thành viên. Với quy mô đào tạo tăng nhanh như hiện nay, khối lượng công việc rất lớn, nhà trường cần bổ sung đội ngũ cán bộ lãnh đạo có trình độ chuyên môn giỏi, năng lực sáng tạo, phẩm chất tốt và khả năng lãnh đạo chuyên nghiệp để hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao.

PHẦN I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. Chỉ tiêu, kế hoạch đầu năm

1. Công tác tuyển sinh năm 2015:

Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2015 của trường, cụ thể như sau:

- Trình độ Cao đẳng nghề (12+3): Xét tuyển học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; điểm trung bình cả năm lớp 12, 995 chỉ tiêu, gồm các nghề:

TT	Tên nghề	Mã nghề	Chỉ tiêu
1	Quản trị mạng máy tính	50480206	120
2	Cắt gọt kim loại	50510201	70
3	Cơ điện tử	50510343	105
4	Công nghệ ô tô	50510222	35
5	Lắp đặt thiết bị lạnh	50510257	90
6	Điện công nghiệp	50510302	90
7	Điện tử công nghiệp	50510345	90
8	Kỹ thuật mạng ngoại vi và thiết bị đầu cuối	50510355	90
9	May thời trang	50540205	90
10	Công nghệ may Veston	50540208	35
11	Tài chính doanh nghiệp	50340201	60
12	Kế toán doanh nghiệp	50340301	60
13	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	50340402	60

- Trình độ Trung cấp nghề (9+3): Xét tuyển học sinh tốt nghiệp THCS; điểm học bạ lớp 9 hai môn Toán, Lý, 640 chỉ tiêu, gồm các nghề:

TT	Tên nghề	Mã nghề	Chỉ tiêu
1	Quản trị mạng máy tính	40480206	50
2	Cắt gọt kim loại	40510201	50
3	Cơ điện tử	40510343	60
4	Công nghệ ô tô	40510222	60
5	Lắp đặt thiết bị lạnh	40510257	60
6	Điện công nghiệp	40510302	50
7	Điện tử công nghiệp	40510345	50
8	Kỹ thuật mạng ngoại vi và thiết bị đầu cuối	40510355	70
9	May thời trang	40540205	50
10	Công nghệ may Veston	40540208	35
11	Tài chính doanh nghiệp	40340201	35
12	Kế toán doanh nghiệp	40340301	35
13	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	40340402	35

2. Xây dựng kế hoạch năm 2015:

2.1. Mục tiêu đào tạo:

- Xây dựng trường thành trường trọng điểm của thành phố và khu vực, đào tạo đa cấp, đa ngành với nhiều loại hình đào tạo có chất lượng cao.
- Tập trung vào công tác tuyển sinh năm 2015, triển khai công tác tư vấn tuyển sinh và quảng bá thương hiệu một cách hiệu quả.
- Xác định các ngành nghề đào tạo mũi nhọn của Trường để phát triển theo định hướng nâng cao chất lượng đào tạo, tạo nên thương hiệu của nhà trường.
- Tăng cường đào tạo hợp tác quốc tế, liên kết đào tạo trong nước và nước ngoài.

2.2. Các biện pháp:

2.2.1. Tuyển sinh dạy nghề trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề, ngoài việc thực hiện bảo đảm chỉ tiêu tuyển sinh cần tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy nghề, chú trọng tuyển sinh đào tạo các nghề trọng điểm.

- Tập trung các nguồn lực cho công tác tuyển sinh năm 2015, lên kế hoạch cụ thể cho công tác tư vấn tuyển sinh, quảng cáo, tuyên truyền thương hiệu của nhà trường
- Xác định các ngành nghề đào tạo mũi nhọn của trường để đẩy mạnh đào tạo chất lượng cao, tạo nên thương hiệu của Nhà trường.
- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các đơn vị khoa và tổ bộ môn trong công tác quản lý giảng dạy, quản lý nội dung chương trình đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo.
- Tăng cường công tác kiểm tra chuyên môn: Kiểm tra hồ sơ chuyên môn, dự giờ giảng viên; tổ chức kiểm tra công tác quản lý của các khoa và công tác của giảng viên.

2.2.2. Tổ chức thực hiện đổi mới chương trình đào tạo

- Xây dựng hoàn chỉnh các chương trình đào tạo theo các bậc học và chương trình đào tạo chất lượng cao.
- Hoàn thiện hệ thống giáo trình, bài giảng. Điều chỉnh, bổ sung quy chế học vụ, quy chế quản lý học sinh sinh viên theo hướng chuẩn hóa quy trình công tác và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý.
- Hoàn thiện các thông tin công bố trên website của trường về các chương trình đào tạo, các qui định về công tác đào tạo, các chủ trương về chế độ chính sách đối với học sinh sinh viên.

2.3. Công tác đào tạo và bồi dưỡng giáo viên:

- Năm 2015, nhà trường bắt đầu thực hiện hồ sơ đề nghị Tổng cục Dạy nghề cấp giấy phép hoạt động dạy nghề, tuy nhiên trong quá trình xét duyệt hồ sơ nhà trường gặp khó khăn do một số giáo viên (GV) chưa đạt chuẩn về nghiệp vụ sư phạm (NVSP) dạy nghề. 100% giáo viên đều có NVSP, trong đó có 72 GV không đạt chuẩn về NVSP (do GV có chứng chỉ sư phạm bậc 1 hoặc sư phạm bậc 2 cấp sau năm 2007 hoặc chứng chỉ NVSP dành cho GV các trường đại học, cao đẳng nhưng không đủ 20 tín chỉ,...).

- Nhà trường rất chú trọng công tác xây dựng đội ngũ nhà giáo có trình độ chuyên môn cao, tay nghề giỏi để đáp ứng quy mô đào tạo ngày càng tăng nhanh. Tuy nhiên do tình hình tài chính còn gặp nhiều khó khăn nên trước mắt, nhà trường chỉ cử 38 GV có trình độ sư phạm bậc 1 và chưa có chứng chỉ sư phạm bậc 1 hoặc bậc 2 tham gia lớp bồi dưỡng NVSP dạy nghề do Trường Cao đẳng Nghề Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức học

tại Trường.

2.4. Công tác kiểm định chất lượng:

- Hoàn thành báo cáo tự đánh giá chu kỳ 2011-2015 báo cáo về Bộ giáo dục và đào tạo. Tiến hành đánh giá ngoài công tác tự đánh giá của Trường.

- Lập đề án “Xây dựng trường tiên tiến theo xu thế hội nhập quốc tế” giai đoạn 2016-2020.

- Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng, khắc phục tồn tại trong báo cáo Tự đánh giá giai đoạn 2. Đẩy mạnh xây dựng văn hóa chất lượng từ cơ sở khoa, trung tâm, phòng đến cấp Trường.

- Tăng cường triển khai khảo sát lấy ý kiến phản hồi của CB-GV-NV, HSSV, nhà tuyển dụng đối với hoạt động của trường.

- Xây dựng ngân hàng câu hỏi và ngân hàng đề thi. Cập nhật ngân hàng câu hỏi vào hệ thống phần mềm PMT-EMS.

- Tổ chức quản lý và sử dụng hiệu quả ngân hàng câu hỏi thi, đảm bảo tính bảo mật, theo đúng quy chế của Bộ cũng như theo quy định phối hợp trong công tác khảo thí của Trường.

- Tổ chức chọn đề, in sao đề thi, đóng gói niêm phong theo phòng thi, đảm bảo đúng quy chế, bảo mật, chính xác, bàn giao đề thi kịp thời đúng lịch thi theo kế hoạch thi.

- Tổ chức tiếp nhận bài thi theo lịch thi, xử lý bài thi (đồn túi, đánh phách, rọc phách) bàn giao cho các khoa tổ chức chấm thi. Tiếp nhận bài thi đã chấm, ghép phách, lên điểm, kiểm dò và gửi kết quả về các khoa và Phòng TS-ĐT-GTVL. Lưu trữ bài thi và bảng điểm (bản chính) theo quy định. Lưu trữ bảng điểm bài thi (trên máy tính và bản cứng) trong suốt quá trình học tập của sinh viên.

- Tổ chức chấm thi trắc nghiệm trên giấy bằng máy chấm trắc nghiệm.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác tuyển sinh

- Các biện pháp, hình thức tuyển sinh.

Năm học 2015 - 2016 trường tuyển sinh các bậc đào tạo:

• Cao đẳng chuyên nghiệp: Trường tổ chức xét tuyển học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) dựa vào hai phương thức:

Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia

Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT

• Trung cấp chuyên nghiệp (9+3): Xét tuyển học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở (THCS), điểm học bạ lớp 9 hai môn Toán, Lý

• Trung cấp chuyên nghiệp (12+2): Xét tuyển học sinh tốt nghiệp THPT, điểm trung bình cả năm lớp 12

• Trung cấp chuyên nghiệp (12+2 năm 3 tháng): Xét tuyển học sinh chưa tốt nghiệp THPT, điểm trung bình cả năm lớp 12

• Cao đẳng nghề (12+3): Xét tuyển học sinh tốt nghiệp THPT, điểm trung bình cả năm lớp 12

• Cao đẳng nghề (9+4): Xét tuyển học sinh tốt nghiệp THCS, điểm học bạ lớp 9 hai môn Toán, Lý. Đào tạo 04 năm (trung cấp nghề 03 năm, chuyển tiếp cao đẳng nghề 01 năm)

- Trung cấp nghề (9+3): Xét tuyển học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở (THCS), điểm học bạ lớp 9 hai môn Toán, Lý. Đào tạo 03 năm.

Công tác tuyên truyền, giới thiệu về ngành, nghề và nhà trường:

- Tham gia ngày hội hướng nghiệp tại các trường THCS, THPT.
- Tham gia diễn đàn tư vấn tuyển sinh do các đơn vị trên địa bàn thành phố tổ chức (tại TP.HCM và các tỉnh).
- Chủ động liên hệ đến các trường THCS, THPT trên địa bàn thành phố và các tỉnh để cung cấp thông tin tuyển sinh, giới thiệu các ngành đào tạo...
- Cung cấp tài liệu phát tay về thông tin tuyển sinh của trường.

- Kết quả tuyển sinh năm học 2015 - 2016:

- Cao đẳng chuyên nghiệp: 2243 SV
- Cao đẳng liên thông: 49 SV
- Trung cấp Chuyên nghiệp: 422 HS
- Cao đẳng nghề (12+3): 86 SV
- Cao đẳng nghề (9+4): 509 SV
- Số lượng tuyển sinh ngắn hạn quý 1 (từ 01/01/2016 đến 15/03/2016)

Ngành Cơ khí: 8 học viên

Ngành Điện-Điện tử: 11 học viên

Quý 1 năm 2016 rơi vào giai đoạn Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán nên số lượng học ngắn hạn giảm so với các quý khác trong năm.

Hình thức tuyển sinh: Website <http://daotao21.net> cung cấp thông tin về các khóa học ngắn hạn, học phí, khai giảng.

Hình thức quảng cáo: Sử dụng Google AdWords để quảng cáo về các khóa đào tạo của Trung tâm đến người có nhu cầu học.

2. Công tác đào tạo, giới thiệu việc làm

- Công tác xây dựng và thực hiện nội dung, chương trình đào tạo; ứng dụng khoa học, công nghệ trong đào tạo.

Nhà trường đã triển khai công tác biên soạn, lựa chọn giáo trình, tài liệu tham khảo phù hợp với chương trình đào tạo

Đi đôi với việc xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình là yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy. Từ chỗ người học là người tiếp nhận kiến thức thụ động trong lớp học, theo quan niệm hiện nay, người học được xem là trung tâm của hoạt động đào tạo; bồi dưỡng năng lực tự học, tạo điều kiện cho người học phát triển tư duy sáng tạo. Khi xây dựng nội dung chương trình giảng dạy theo xu hướng giảm bớt tính hàn lâm và tăng thảo luận, xêmina, tự học của HSSV hoặc tự nghiên cứu tài liệu...

Ngoài những hình thức thi, kiểm tra truyền thống như thi tự luận, vấn đáp... Nhà trường còn áp dụng nhiều hình thức thi cử khác giúp đánh giá được khả năng tự học hỏi, sự phát triển tư duy, năng lực sáng tạo của học sinh, sinh viên trong học tập như: cho viết tiểu luận, làm semina chuyên đề, giải quyết tình huống, làm bài thi trắc nghiệm khách quan...

Các khoa đã chủ động tổ chức các buổi hội thảo về chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề nhằm nâng cao nghiệp vụ, bồi dưỡng chuyên môn cho giảng viên.

Các biện pháp để nâng cao kết quả học tập, rèn luyện của học sinh, sinh viên:

- Tổ chức thường xuyên kiểm tra việc thực hiện đồng phục, tác phong, quy chế quy định đối với HSSV; theo dõi và xử lý kịp thời đối với các trường hợp nghỉ học không lý do gửi thông báo về cho gia đình những HSSV nghỉ học nhiều ngày;

- Đối với học sinh Trung cấp nghề (9+3): Tổ chức họp phụ huynh học sinh để thông báo về tình hình học tập, rèn luyện và tìm ra những giải pháp giáo dục học sinh cũng như thắt chặt mối quan hệ giữa Nhà trường với gia đình.

- Liên kết, hợp tác trong đào tạo (liên kết với các doanh nghiệp, các cơ sở giáo dục, các tổ chức,... trong và ngoài nước trong quá trình đào tạo).

- Tổ chức cho HSSV tham quan và thực tập tốt nghiệp tại các đơn vị sản xuất kinh doanh trong quá trình đào tạo.

- Lấy ý kiến của các đơn vị sau mỗi khóa HSSV đến thực tập tốt nghiệp nhằm đổi mới mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

- Phối hợp với các đơn vị tổ chức ngày hội việc làm, phỏng vấn việc làm tại trường

- Đào tạo cho các nhóm đối tượng đặc thù (lao động nông thôn, dân tộc thiểu số ...)

Hiện nay Trường chưa đào tạo các nhóm đối tượng đặc thù

- Công tác quản lý người học; thực hiện các chế độ, chính sách cho người học theo quy định.

Thực hiện tốt chế độ chính sách cho HSSV (hướng dẫn cho HSSV làm các thủ tục để hưởng trợ cấp chính sách ưu đãi tại địa phương; Tổ chức xét cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội đúng qui định; Tổ chức xét và trao các loại học bổng ngoài ngân sách cho HSSV) và tạo điều kiện thuận lợi trong việc giải quyết các thủ tục hành chính nhanh chóng theo đúng quy định, cụ thể: Từ ngày nộp đến lúc nhận lại hồ sơ là 03 ngày, đối với những trường hợp* cá biệt (phụ huynh đến liên hệ hoặc những trường hợp khẩn cấp) Nhà trường đã cố gắng giải quyết nhanh chóng kịp thời;

Trong “Tuần lễ sinh hoạt công dân HSSV” đầu năm học, phòng Thanh tra giáo dục - Công tác Sinh viên đã tiến hành triển khai các quy định, chế độ chính sách liên quan đến HSSV. Đồng thời in ấn quy định của các cấp kèm theo văn bản nội quy của trường gửi cho giáo viên chủ nhiệm và cố vấn học tập để tiến hành triển khai tuần tự trong các buổi sinh hoạt chủ nhiệm hàng tháng;

Trong học kỳ I/2015-2016 Nhà trường thực hiện miễn, giảm học phí cho 33 HSSV đúng đối tượng chính sách theo quy định;

Đối với HSSV tàn tật, khuyết tật, ngoài việc miễn giảm học phí, nhà trường còn thực hiện chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng, miễn học một số học phần như giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng, tạo thuận lợi trong việc bố trí thực tập tốt nghiệp phù hợp. . . ;

Xác nhận cho HSSV đang học ở trường để bỏ túc hồ sơ vay vốn tại các ngân hàng chính sách xã hội;

100% HSSV thực hiện tốt công tác BHYT và Bảo hiểm tai nạn;

Các doanh nghiệp tài trợ và cấp các học bổng ngoài ngân sách cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn;

- Thực hiện công tác quản lý và cấp bằng, chứng chỉ nghề.

Hiện nay Trường chưa cấp bằng, chứng chỉ nghề

- Công tác kiểm định, tự kiểm định và đảm bảo chất lượng đào tạo.

Trường đã thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục trường cao đẳng giai đoạn 2 (2011-2015) theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Riêng các bậc trung cấp nghề và cao đẳng nghề do mới tuyển sinh và tổ chức đào tạo trong năm học 2015-2016 nên Trường chưa tổ chức tự đánh giá.

Đã tiến hành khảo sát sự hài lòng của HSSV về hoạt động giảng dạy của GV trong HKI.

Đã triển khai báo cáo công khai giáo dục năm học 2015-2016.

Đã nhập 116 bộ câu hỏi thi các học phần vào phần mềm soạn thảo trắc nghiệm ngoại tuyến.

Đã tổ chức chấm phiếu trắc nghiệm bằng máy.

- Các biện pháp giới thiệu việc làm cho người học:

Nhà trường có bộ phận Giới thiệu việc làm thực hiện giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên thông qua trang web Giới thiệu việc làm của trường và tư vấn trực tiếp khi HSSV có nhu cầu.

Tổ chức hướng dẫn HSSV sắp tốt nghiệp kỹ năng chuẩn bị hồ sơ, chuẩn bị và trả lời phỏng vấn tìm việc làm. Tổ chức tập huấn cho HSSV kỹ năng đối diện với nhà tuyển dụng.

Tư vấn tìm việc cho học sinh, sinh viên sắp tốt nghiệp: liên hệ tìm các nhà tuyển dụng, cung cấp thông tin giúp học sinh, sinh viên tìm việc làm, tổ chức cho các nhà tuyển dụng đến giao lưu, trao đổi, giải đáp cho HSSV về những yêu cầu tuyển dụng, kỹ năng cần tích lũy để HSSV tìm được việc làm theo đúng nguyện vọng..

Hàng năm nhà trường có Tổ chức Ngày Hội Việc Làm, chủ động mời các doanh nghiệp tới trường gặp gỡ trực tiếp HSSV để tuyển dụng.

Điểm nổi bật của trường trong công tác tư vấn việc làm trong nhiều năm qua là phối hợp với các doanh nghiệp tuyển dụng HSSV sau khi thực tập tốt nghiệp, vì trong quá trình thực tập tốt nghiệp doanh nghiệp có thể đánh giá chính xác kỹ năng tay nghề và phẩm chất đạo đức của HSSV.

Kết quả sau 06 tháng ra trường các ngành Điện công nghiệp, cơ khí, điện lạnh khoảng 90% học sinh, sinh viên có việc làm đúng theo chuyên môn được đào tạo, số còn lại do ngại vất vả nên chuyển công việc khác trái ngành nghề. Các ngành công nghệ thông tin, động lực số học sinh sinh viên tìm được việc làm đúng chuyên ngành khoảng 70%, ngành Điện tử khoảng 80%.

3. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên dạy nghề

- Thực trạng đội ngũ CBQL, giáo viên:

Tổng số CB, GV, NV toàn trường tính đến 15/3/2016: 382 người, gồm:

Ban Giám hiệu : 03 người

CBQL cấp đơn vị trực thuộc: 24 người

Giáo viên, giảng viên : 229 người
(Cơ hữu, hợp đồng dài hạn)

Nhân viên : 126 người

Số CBQL và nhân viên tại đơn vị chức năng kiêm nhiệm công tác giảng dạy: 24 người.

Số giảng viên thỉnh giảng trong nước: 12 người

Như vậy, tổng số giáo viên, giảng viên dạy nghề tại trường hiện nay là: 265 người.

• Thống kê trình độ chuyên môn của đội ngũ nhà giáo:

Tiến sĩ: 06 người

Thạc sĩ: 125 người

Đại học: 134 người

• Giáo viên đạt chuẩn về nghiệp vụ sư phạm: 216/265 (81,51%)

• Giáo viên đạt chuẩn về kỹ năng nghề: 16/265 (6,04%)

• Giáo viên đạt chuẩn về tin học: 156/265 (58,87%)

• Giáo viên đạt chuẩn về ngoại ngữ: 183/265 (69,06%)

- Công tác phát triển đội ngũ nhà giáo:

Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện cho số cán bộ giảng dạy trẻ đi học sau đại học theo các chuyên ngành phục vụ cho các mục tiêu đào tạo của trường.

Nhà trường có chính sách rõ ràng và nhất quán trong việc hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ thời gian cho cán bộ – giảng viên – nhân viên học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, những điều kiện này là động lực rất lớn để cán bộ – giảng viên – nhân viên tích cực học tập.

Đội ngũ cán bộ giảng dạy đã chú trọng cập nhật các phương pháp giảng dạy mới qua các hội thảo chuyên đề do trường tổ chức, qua tập huấn các giáo viên được cử tham gia lớp đào tạo giáo viên hạt nhân về phổ biến lại cho đồng nghiệp.

Tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên vừa hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy được giao, vừa có điều kiện tham gia nghiên cứu thực nghiệm khoa học, nâng cao trình độ, gắn hoạt động chuyên môn với thực tiễn sản xuất, cải tiến và đổi mới phương pháp dạy học, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

Thực hiện việc tính toán số lượng tuyển mới giảng viên cho các khoa, bộ môn. Trên cơ sở chỉ tiêu được giao, các khoa, bộ môn lập kế hoạch chi tiết, cụ thể để tuyển chọn đảm bảo số lượng, chất lượng.

Có chính sách thu hút, ưu đãi cán bộ từ các nguồn ngoài trường, quan tâm bồi dưỡng, ưu đãi đội ngũ cán bộ hiện có và chủ động xây dựng phát triển đội ngũ cán bộ kế cận.

- Nhận xét, đánh giá công tác xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên dạy nghề của nhà trường:

Ban Giám Hiệu, cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc có năng lực, thể hiện tính sáng tạo, gương mẫu. Đội ngũ giảng viên, giáo viên có trách nhiệm, nhiệt tình trong công tác.

Nhà trường có đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn đạt và vượt chuẩn, phẩm chất tốt, luôn gắn bó với Nhà trường và ngày càng được trẻ hóa.

4. Công tác đầu tư phát triển

- Thực trạng điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề: Trong những năm qua cơ sở vật chất của Trường ngày càng được hoàn thiện, trang thiết bị được tăng cường đảm bảo công tác đào tạo phù hợp với qui mô đào tạo của nhà trường.

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP. Hồ Chí Minh hiện có 6 khoa nghề, 2 khoa cơ bản, 1 khoa kinh tế. Trang thiết bị máy móc phục vụ giảng dạy từ cơ bản đến chuyên sâu, được phân bổ như sau: Khoa Công nghệ Cơ khí có 08 xưởng thực hành, khoa Công nghệ Động lực 05 xưởng, khoa Công nghệ Điện – Điện tử 29 xưởng thực hành, khoa Công nghệ Nhiệt – Lạnh 6 xưởng thực hành, khoa Công nghệ may – thời trang 5 xưởng thực hành, khoa Công nghệ thông tin 15 phòng máy tính hiện nay đã đáp ứng đủ 1 máy/1 sinh viên thực hành, khoa khoa học cơ bản 1 phòng lab. Tổng giá trị thiết bị dạy học 89.4 tỷ đồng.

Tổng diện tích đất : 50,646.6 m²

Tổng diện tích sàn xây dựng : 26,623 m²

Trong đó:

Diện tích giảng đường, phòng học : 7661.7 m²

Diện tích thư viện : 608 m²

Diện tích phòng thí nghiệm, nhà xưởng: 7383.7 m²

Diện tích nhà làm việc : 1.613 m²

Sân thể thao : 8.700 m²

Vườn hoa, cây cảnh : 2.000 m²

Hội trường : 848 m²

Đường nội bộ : 583 m²

- Thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở vật chất; đầu tư cho trang thiết bị dạy học; đầu tư cho các lĩnh vực khác.

Trong năm 2015, được sự quan tâm của cấp chủ quản, với sự nỗ lực cố gắng Nhà trường đã trang bị một số thiết bị dạy học hiện đại, phục vụ cho nhu cầu giảng dạy cơ bản và nâng cao, cụ thể: khoa Công nghệ thông tin trang bị 90 máy vi tính cấu hình cao, giá trị trang bị 1.2 tỷ đồng; mô hình tổng thành xe du lịch 95 triệu đồng, Khoa công nghệ Điện – Điện tử trang bị modul 1, 2 – Phòng thực tập đo lường mạch điện 6 tỷ đồng; phần mềm quản lý ngân hàng khảo thí và chấm thi trắc nghiệm và thiết bị hỗ trợ 152 triệu đồng; từ công trình nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên đã thực hiện 01 mô hình thực tập khoa Công nghệ Điện - Điện tử có giá trị 8.2 triệu đồng; trang bị hệ thống website, hệ thống mạng có tốc độ truy cập cao giúp sinh viên, học sinh có điều kiện tiếp cận nhiều nguồn tài liệu phong phú 234 triệu đồng. Tổng giá trị trang bị thiết bị dạy học phục vụ đào tạo trong năm 2015 là 7.96 tỷ đồng.

Nhà trường đã thực hiện nâng cấp, cải tạo và mở rộng các phòng học, xưởng thực tập, thực hành, phòng thí nghiệm gồm các hạng mục sau:

- Sửa chữa cải tạo khối nhà E2 (Khoa Động lực cũ) thành ký túc xá;
- Sửa chữa cải tạo cơ sở vật chất;
- Cải tạo sửa chữa nhà truyền thống;
- Nâng tầng khu thực hành Điện – Điện tử.

- Nội dung và kết quả thực hiện các chương trình, dự án đầu tư như Dự án nâng cao năng lực dạy nghề, chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Trường mới thực hiện dạy nghề từ tháng 9/2015, nên chưa xây dựng các chương trình, dự án đầu tư như Dự án nâng cao năng lực dạy nghề, chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn

5. Hoạt động của các tổ chức chính trị, chính trị xã hội

- Hoạt động của Chi - Đảng bộ.

Ban chấp hành Đảng bộ lãnh đạo, chỉ đạo các chi bộ và chính quyền thực hiện các cuộc vận động của Đảng và của ngành. Cán bộ, đảng viên tiếp tục thực hiện việc khắc phục sửa chữa khuyết điểm tồn tại sau kiểm điểm Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về công tác xây dựng Đảng”;

Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, tư tưởng và phong cách Hồ Chí Minh”, “ Mỗi thầy giáo, cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” ;

Các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước được Đảng ủy chỉ đạo triển khai thường xuyên trong các buổi họp chi bộ, họp cán bộ chủ chốt, trong các buổi lễ chào cờ, trong tuần sinh hoạt công dân của học sinh, sinh viên;

Đảng ủy đã quan tâm chỉ đạo chính quyền tăng cường các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên;

- Hoạt động của tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên ...

*** Tháng 01/2016:**

Đoàn Thanh niên phối hợp cùng Hội SV trường tổ chức chương trình Kỹ năng mềm “Kỹ năng viết đơn xin việc” cho sinh viên học sinh vào ngày 09/01/2016 tại Hội trường A.

Phối hợp Hội Sinh viên trường, Trung tâm Khoa học và Công nghệ trẻ thành đoàn tổ chức Hội nghị giới thiệu, hướng dẫn tham gia các hội thi, giải thưởng về sáng tạo và nghiên cứu khoa học cấp thành; triển khai giải thưởng SV nghiên cứu khoa học cấp trường năm 2016 vào ngày 07/01/2016 tại Hội trường A.

Phối hợp Hội sinh viên trường tổ chức diễn đàn “Nghe Thanh niên nói – Nói Thanh niên nghe” vào ngày 20/01/2016 tại Hội trường A.

Cùng nhà trường tổ chức Hội thi tìm hiểu ASEAN (Vòng thi trắc nghiệm – Vòng 1) vào ngày 20/01/2016 tại Hội trường A.

Cùng nhà trường phối hợp với Báo Giáo dục TP.HCM tổ chức Ngày hội tư vấn hướng nghiệp “Cùng bạn quyết định tương lai” tại trường vào ngày 23/01/2016.

*** Tháng 02, 3/2016:**

Phát động cuộc thi trực tuyến “Tự hào Sử Việt” lần 3 - Năm 2016, chủ đề “Về vang 85 năm Đoàn TNCS Hồ Chí Minh” cấp Thành đoàn,

Tổ chức cuộc thi “Tự hào Trường tôi và Đoàn tôi”,

Tổ chức Hội thi tìm kiếm tài năng Lý Tự Trọng ,

Tổ chức Hội thao học sinh sinh viên toàn trường ,

Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị trong toàn Đoàn (sinh hoạt chủ điểm) với chủ đề “Tự hào và phát huy truyền thống về vang 85 năm của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh”;

Tổ chức bồi dưỡng lớp đoàn viên mới “Lớp đoàn viên 85 năm Đoàn TNCS Hồ Chí Minh”;

Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng Thành phố lần thứ X và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII với việc tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng các giá trị của hình mẫu thanh niên Lý Tự Trọng ;

Triển lãm hình ảnh kỷ niệm 85 năm Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;

Tổ chức Ngày Đoàn viên 26/3.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kết quả đạt được

Nhìn chung, tình hình tư tưởng chính trị trong đội ngũ CB-GV-NV được giữ vững và ổn định. Đa số CB-GV-NV có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có lối sống lành mạnh, năng động, sáng tạo, có ý chí vươn lên trong công việc và trong việc rèn luyện nhân cách, đạo đức lối sống, luôn xác định gắn bó với nghề.

Được sự quan tâm và hỗ trợ từ phía lãnh đạo nhà trường, đội ngũ nhà giáo tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng do cơ quan chủ quản và nhà trường tổ chức, đồng thời mỗi cá nhân chủ động tự rèn luyện, bồi dưỡng những kiến thức, kỹ năng nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định.

2. Tồn tại, hạn chế

Dù được cải tạo nâng cấp nhưng hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm chưa được hiện đại hóa. Hệ thống phòng học chưa phù hợp nên chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu đào tạo. Dù đã cố gắng nhưng đến nay trường chưa có đủ các hệ thống phòng học thực hành cho một số ngành học, như ở khoa Cơ khí chưa có phòng thí nghiệm đo lường kỹ thuật...

Trên 85% diện tích nhà xưởng, lớp học và phòng làm việc được xây dựng từ năm 1965. Do vậy quy mô và diện tích sử dụng phòng thí nghiệm, xưởng thực tập chưa đáp ứng nhu cầu dạy và học của trường chuyên đào tạo về kỹ thuật. Trang thiết bị đồ dùng dạy học còn thiếu và chưa đồng bộ.

Việc tuyển dụng giảng viên nghề có chuyên môn giỏi rất khó khăn.

Chưa có đội ngũ giảng viên đầu ngành, đặc biệt là những người có học vị và chức danh cao để đáp ứng nhu cầu chất lượng đào tạo ngày càng cao.

Giảng viên có khả năng giảng dạy bằng tiếng Anh còn ít nên chưa thuyết phục được đối tác nước ngoài liên kết.

Nguyên nhân:

Các kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành và giỏi nghề không muốn làm việc tại trường do mức thu nhập thấp hơn nhiều so với các doanh nghiệp.

Một số cán bộ viên chức lớn tuổi ngại thay đổi, chưa tích cực theo học các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học để nâng cao chất lượng đội ngũ.

Biện pháp khắc phục

Động viên và có chế độ khuyến khích đối với viên chức để cá nhân tự ý thức được vai trò, trách nhiệm đối với nhà trường trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Đầu tư xây dựng thêm phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực tập đủ rộng, đảm bảo sự thông thoáng, an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp đáp ứng chiến lược phát triển nhà trường.

3. Đề xuất, kiến nghị

Không có

PHẦN II: PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

I. Phương hướng, nhiệm vụ

Xây dựng đội ngũ cán bộ viên chức, đặc biệt là đội ngũ cán bộ giảng dạy đủ về số lượng, mạnh về trình độ, giỏi về chuyên môn cả lý thuyết và thực hành cùng kinh nghiệm thực tế, có đủ năng lực về ngoại ngữ và tin học để tiếp cận với những công nghệ hiện đại, có khả năng thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, có phẩm chất và trách nhiệm của nhà giáo, gắn bó và hết lòng vì sự nghiệp giáo dục, phù hợp với xu hướng phát triển của các trường đại học – cao đẳng tiên tiến trên thế giới.

Đào tạo đội ngũ kế cận có đủ đức đủ tài, đảm bảo sự kế thừa và phát triển vững chắc, thực hiện tốt mục tiêu chiến lược phát triển của trường. Bố trí, sắp xếp, bổ sung, cân đối nguồn nhân lực cho việc sử dụng đội ngũ một cách tối ưu nhất; bố trí công việc đúng với khả năng của từng người, tạo điều kiện để cá nhân có thể phát huy cao nhất sở trường của mình. Thu hút nguồn giảng viên có trình độ chuyên môn cao để đảm bảo chất lượng đào tạo của nhà trường.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để đổi mới công tác giảng dạy.

Thực hiện các phương pháp giảng dạy tiên tiến, dạy học lấy người học làm trung tâm, cá thể hóa người học gắn với việc sử dụng các phương tiện giảng dạy hiện đại. Triệt để ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, giảm giờ giảng trên lớp, tăng cường giờ tự học, tự nghiên cứu, thí nghiệm, thực hành...

Triển khai tin học hóa các hoạt động quản lý trong nhà trường.

Tiếp tục điều chỉnh và hoàn thiện về kế hoạch, chương trình, giáo trình giảng dạy của các ngành nghề đào tạo. Tăng cường hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học giữa nhà trường với các doanh nghiệp nhằm đảm bảo công tác đào tạo phù hợp với thực tiễn. Thực hiện tốt công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục tại nhà trường; tiến tới triển khai việc đánh giá ngoài.

Xây dựng quy định về việc thực hiện dự giờ, kiểm tra chuyên môn, tổ chức thao giảng cấp khoa và cấp trường nhằm chia sẻ kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, nâng cao chất lượng giảng dạy cho đội ngũ.

Đảm bảo các điều kiện về trang thiết bị, phương tiện dạy học theo yêu cầu chuẩn hoá và hiện đại hoá, đồng bộ, thuận lợi đáp ứng yêu cầu của các ngành nghề đào tạo.

Xây dựng thư viện điện tử kết hợp với thư viện truyền thống đạt tiêu chuẩn, hiện đại, hệ thống thư viện được kết nối mạng internet với các cơ sở nghiên cứu liên quan.

Xây dựng và phát triển các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành chất lượng cao đảm bảo chất lượng đào tạo các ngành nghề của Trường.

Tăng cường các hoạt động phục vụ đào tạo như thư viện, công tác dịch vụ học tập, ký túc xá,...

Tăng cường công tác Giáo dục chính trị tư tưởng, truyền thống dân tộc, lý tưởng cách mạng, xây dựng lối sống đẹp trong HSSV. Đa dạng hóa công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục truyền thống, giáo dục pháp luật và giáo dục đạo đức lối sống cho HSSV;

Tổ chức quán triệt, học tập nội dung các Nghị quyết cho HSSV nhằm đáp ứng yêu cầu của đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo;

Tổ chức đối thoại định kỳ giữa khoa – HSSV, giữa Ban Giám hiệu – HSSV;

Đẩy mạnh công tác phát triển đảng trong HSSV;

Tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo trang bị các kỹ năng thực hành xã hội cho HSSV;

Tổ chức các câu lạc bộ đội nhóm tạo sân chơi lành mạnh cho học sinh, sinh viên và là cơ sở tham gia hoạt động của các cấp;

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho HSSV, tư vấn cho HSSV giữ gìn sức khỏe trong học tập và rèn luyện; đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, tránh xảy ra dịch bệnh trong trường;

Tăng cường xây dựng chương trình hợp tác với nước ngoài

Trao đổi thông tin phục vụ hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, trao đổi ấn phẩm, tài liệu và kết quả hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ.

Duy trì mối liên hệ với các đối tác có lợi cho việc quảng bá thương hiệu Nhà trường nhằm hỗ trợ công tác tuyển sinh và phát triển nhà trường.

II. Giải pháp thực hiện

Thường xuyên tăng cường chất lượng đội ngũ qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tham quan, liên kết đào tạo..., phát huy cao nhất năng lực của đội ngũ để đáp ứng nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

Thực hiện việc tính toán số lượng tuyển mới giảng viên cho các khoa, bộ môn. Trên cơ sở chỉ tiêu được giao, các khoa, bộ môn lập kế hoạch chi tiết, cụ thể để tuyển chọn đảm bảo số lượng, chất lượng.

Thực hiện chính sách thu hút nhân tài: Thỉnh giảng các cán bộ khoa học ngoài trường và chuyên gia từ các doanh nghiệp tham gia vào công tác giảng dạy. Thông qua các dự án hợp tác quốc tế bằng nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước, kinh phí của trường và các nguồn kinh phí khác, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ giảng dạy của trường. Gắn nhiệm vụ nghiên cứu khoa học với yêu cầu bồi dưỡng cán bộ, giảng viên.

Xây dựng đề án sử dụng nguồn nhân lực của trường cho từng giai đoạn phát triển để đạt hiệu quả tối ưu trong công tác xây dựng đội ngũ.

Tạo điều kiện cho các giảng viên đi học tập, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước. Đảm bảo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ, trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ giảng dạy, cán bộ quản lý có hiệu quả.

Tăng cường công tác quản lý, giáo dục cán bộ; Thực hiện có nề nếp, hiệu quả yêu cầu đánh giá cán bộ, giảng viên; Chủ động sắp xếp, bố trí công việc phù hợp đối với các cán bộ, giảng viên không đủ tiêu chuẩn.

Triển khai, tập huấn phần mềm quản lý - EMIC trong công tác quản lý đào tạo để quy trình hóa và mang tính khoa học, nhằm đạt hiệu quả cao từ tuyển sinh, quản lý sinh viên, chương trình đào tạo, đăng ký học phần, thời khóa biểu, quản lý điểm, học bổng học phí, khen thưởng kỷ luật....

Xây dựng quy định về việc thực hiện dự giờ, kiểm tra chuyên môn, 100% giáo viên đều phải được dự giờ, kiểm tra chuyên môn ít nhất 01 lần trong năm học.

Trang bị phòng thực hành, thí nghiệm, thiết bị đào tạo các ngành mũi nhọn hiện đại: Cơ khí, Động lực... theo các giai đoạn 2015 -2018, tầm nhìn đến năm 2020. Cụ thể, năm 2016 cải tạo và trang bị hoàn chỉnh thiết bị dạy học xưởng hàn; 01 phòng học lab phục vụ nhu cầu học ngoại ngữ; thiết bị dạy học chuyên ngành lạnh công nghiệp; trang bị một số động cơ mô hình dạy học có giá trị thực tập chuyên ngành ô tô. Bên cạnh đó, hàng năm có kế hoạch trang bị bổ sung, thay thế thiết bị đến hạn thanh lý đảm bảo đủ điều kiện cho các khoa còn lại đáp ứng yêu cầu đào tạo.

Tập trung đầu tư những công trình trọng điểm để đưa vào sử dụng bao gồm: Nhà xưởng, lớp học, phòng thực hành, phòng làm việc và cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

Tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân – HSSV” đầu năm, đầu khóa, cuối khóa cho HSSV;

Tổ chức các hoạt động lễ hội theo đúng quy định của ngành;

Thực hiện tốt “Nhà trường an toàn, an ninh, trật tự”;

Phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng Quy chế phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự trong và ngoài trường (giai đoạn 2015-2020);

Nghiên cứu xây dựng chương trình hợp tác với đại học quốc gia Kunsan, Hàn Quốc; với tổ chức giáo dục và đào tạo F+U Sachsen, Cộng hòa liên bang Đức.

Nghiên cứu xây dựng chương trình hợp tác với công ty Schneider Electric, Việt Nam và ASSIST ASIA.

Nơi nhận:

- P.Đạy nghề SLĐT BXH;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, P.TS-ĐT-GTVL.

HIỆU TRƯỞNG



Nham Hữu Lộc

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ BÁO CÁO

1. Tên cơ sở báo cáo: TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	
2. Tên giao dịch viết tắt (nếu có): Không có	
3. Tên tiếng Anh (nếu có): LY TU TRONG TECHNICAL COLLEGE OF HO CHI MINH CITY	
4. Địa chỉ: - Số 390, đường Hoàng Văn Thụ, phường 4, quận Tân Bình. Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương: Thành phố Hồ Chí Minh	
5. Phương tiện liên lạc: Điện thoại: (08) 38110521 Fax: (08) 38118676 Email: lytutrong@lffc.edu.vn Website: www.lffc.edu.vn	
6. Số quyết định thành lập: 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB	7. Ngày thành lập: 03/02/2005
8. Cấp quyết định thành lập: ☐ Chính phủ ☐ Thủ tướng Chính phủ ☒ Bộ/ngành ☐ Tỉnh, Tp. trực thuộc TƯ ☐ Cơ quan TƯ của đoàn thể ☐ Cơ sở	
9. Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	
10. Bộ/ngành, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương chủ quản: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	
11. Loại cơ sở: ☐ Trường cao đẳng nghề ☐ Trường trung cấp nghề ☐ Trung tâm dạy nghề/ Trung tâm giáo dục nghề nghiệp (*) ☐ Cơ sở khác có dạy nghề: Trường Cao đẳng Kỹ thuật <i>* Trung tâm dạy nghề đối với các tỉnh/thành phố chưa thực hiện sát nhập, trung tâm giáo dục nghề nghiệp đối với các tỉnh/thành phố đã thực hiện sát nhập theo tinh thần của Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 04/9/2014 của Chính phủ)</i> (Ghi cụ thể: Đại học/cao đẳng/trung cấp/trung tâm hoặc Công ty TNHH / Công ty Cổ phần CP/ HTX,...)	
12. Loại hình cơ sở: ☒ Công lập ☐ Doanh nghiệp Nhà nước ☐ Tư thực ☐ Có vốn đầu tư nước ngoài	
13. Mã số thuế: (Ghi mã số thuế của đơn vị được cơ quan thuế cấp): 0302483515	
14. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề: Số: 48/2014/CNĐKHĐ-TCDN Ngày cấp: 17/11/2014 Số: 48a/2014/CNĐKBS-TCDN Ngày cấp: 21/4/2015 Số: 48b/2014/CNĐKBS-TCDN Ngày cấp: 28/5/2015	

Nơi cấp: Tổng cục Dạy nghề

STT	Tên nghề đào tạo	Mã nghề đào tạo		Sơ cấp nghề	Quy mô tuyển sinh/năm
		Cao đẳng nghề	Trung cấp nghề		
1	Cắt gọt kim loại	50510201	40510201		120
2	Cơ điện tử	50510343	40510343		165
3	Công nghệ May Veston	50540208	40540208		70
4	Công nghệ Ô tô	50510222	40510222		95
5	Điện công nghiệp	50510302	40510302		140
6	Điện tử công nghiệp	50510345	40510345		140
7	Kế toán doanh nghiệp	50340301	40340301		95
8	Kỹ thuật mạng ngoại vi và thiết bị đầu cuối	50510355	40510355		160
9	Lắp đặt thiết bị lạnh	50510257	40510257		150
10	May thời trang	50540205	40540205		140
11	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	50340402	40340402		95
12	Quản trị mạng máy tính	50480206	40480206		170
13	Tài chính doanh nghiệp	50340201	40340201		95

16. Thông tin về số liệu trong các biểu mẫu báo cáo:

" Bao gồm số liệu của toàn bộ đơn vị/tổ chức, kể cả các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân;

" Chỉ bao gồm số liệu của các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân. Không có bao gồm số liệu của các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng (Những đơn vị này có báo cáo riêng).

17. Nếu có các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, đề nghị lập danh sách các đơn vị đó:

STT	Tên đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân	Họ và tên thủ trưởng	Giới tính	Địa chỉ	Điện thoại	Fax	Email
1	Không có						
2							

Người lập biểu



Nguyễn Văn Tấn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2016



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

CƠ SỞ VẬT CHẤT
(Có đến ngày 31 tháng 12 năm 2015)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó: lạm mới trong năm	Tổng số chia ra		
				Kiên cố	Bán kiên cố (cấp 4)	Nhà tạm
A	1	2	3	4	5	6
I - Đất đai cơ sở quản lý sử dụng						
Diện tích đất đai (Tổng số)	ha	5.06466	x	x	x	x
II- Diện tích đất xây dựng (Tổng số)	m2	26.623	2036.37	2036.37		
Trong đó:						
1- Giảng đường/Phòng học lý thuyết:						
Diện tích (Tổng số)	m2	7661.7				
Số phòng học	phòng	101				
Trong đó:						
1.1 - Phòng máy tính	m2	1256.7				
Số phòng	phòng	19				
1.2 - Phòng học ngoại ngữ	m2	68				
Số phòng	phòng	1				
2- Xưởng thực tập, thực hành, Phòng thí nghiệm:		7383.7	2036.37	2036.37		
Diện tích (Tổng số)	m2					
Số phòng	phòng					
Trong đó:						
2.1 - Xưởng thực tập, thực hành	m2	6611.7	2036.37	2036.37		
Số phòng	phòng	60				
2.2 - Phòng thí nghiệm	m2	772				
Số phòng	phòng	8				
3. Thư viện/Trung tâm học liệu:						
Diện tích (Tổng số)	m2	608				
Số phòng	phòng	1				
4- Nhà ở học sinh (ký túc xá):						
Diện tích (Tổng số)	m2	993				
Số chỗ ở	phòng	320				
5- Nhà tập đa năng:						
Diện tích (Tổng số)	m2	0				
Số phòng	phòng	0				
6- Diện tích khác		8700				
- Bể bơi : Diện tích	m2					
- Sân vận động: Diện tích	m2	8700				

Ghi chú: Không ghi vào ô đánh dấu x

* Các cơ sở dạy nghề có từ 400 học sinh trở lên, có thể tổ chức một phòng học lớn (giảng đường) Quy mô giảng đường được tính căn cứ vào số lượng học sinh, chương trình học tập, mục tiêu đào tạo, khả năng thiết bị và theo nhiệm vụ thiết kế được duyệt.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

Đơn vị báo cáo:

Biểu số: 03 - Giáo viên

GIÁO VIÊN, GIẢNG VIÊN DẠY NGHỀ

Đơn vị tính: người

Chỉ tiêu	Mã số	Tổng số giáo viên, giảng viên	Trong đó																		Phân loại theo tuổi							
			Nữ	Dân tộc thiểu số		Theo trình độ, kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn																						
				Tổng số	Tr.đó : Nữ	Ngoại ngữ				Tin học				Kỹ năng nghề				Nghiệp vụ sư phạm										
						Trình độ C trở lên	Trình độ B	Trình độ A	Khác (Cử nhân, TOEFL, IELTS, ...)	Trình độ C trở lên	Trình độ B	Trình độ A	Khác (Cử nhân, IC3, ...)	CCKNNQG bậc 3 hoặc bậc thợ 5/7, 4/6 hoặc tốt nghiệp CĐN trở lên hoặc tương đương	CCKNN OG bậc 2 hoặc bậc thợ 4/7, 3/6	CCKNNQG bậc 1 hoặc bậc thợ 3/7, 2/6 hoặc tốt nghiệp TCN	Khác	SPDN dạy trình độ TC, CĐ hoặc tương đương	SPDN dạy trình độ SC	Khác								
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	Dưới 30	30-35	36-40	41-45	46-50	51-55	56-60	Trên 60
Tổng số	300	265	115	2	1	27	51	12	105	0	34	70	62	0	0	5	16	131	0	118	22	72	69	47	20	24	11	0
I-Theo cơ hữu/thỉnh giảng/quốc tế																												
1. Cơ hữu	310	265																			22	72	69	47	20	24	11	0
Trong đó:																												
- Biên chế (trực tiếp giảng dạy)	311	225	104	2	1	23	44	12	88	0	31	65	49	0	0	3	9	110	0	110	18	66	59	40	18	19	5	0
- Hợp đồng dài hạn (trực tiếp giảng dạy)	312	4	1	0	0	0	1	0	2	0	1	1	1	0	0	0	0	0	0	3	1	0	2	0	0	0	1	0
- Kiểm nhiệm là cán bộ quản lý, nhân viên các đơn vị chức năng	313	24	5	0	0	4	5	0	11	0	2	2	12	0	0	2	7	20	0	3	0	3	4	7	2	5	3	0
2. Thỉnh giảng trong nước	320	12	5	0	0	0	1	0	4	0	0	2	0	0	0	0	0	1	0	2	3	3	4	0	0	0	2	0
3. Quốc tế	330	0																										
II-Theo trình độ chuyên môn																												
1. Tiến sĩ	340	6	0	0	0	0	1	0	5	0	2	1	1	0	0	1	0	4	0	1	0	1	0	4	1	0	0	0
2. Thạc sĩ	350	125	53	1	0	20	19	3	79	0	21	29	31	0	0	2	8	67	0	50	9	36	37	16	10	11	6	0
3. Đại học	360	134	62	1	1	7	31	9	21	0	11	40	30	0	0	2	8	60	0	67	13	35	32	27	9	13	5	0
4. Cao đẳng, Cao đẳng nghề	370	0																										
5. Trung cấp, Trung cấp nghề	380	0																										
6. Khác (THCN, CNKT, Sơ cấp, CCN,...)	390	0																										

Ngày 25 tháng 5 năm 2016

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Hữu Lộc

Đơn vị báo cáo: Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM

Biểu số: 04 - KH Tuyển sinh

KẾ HOẠCH TUYỂN SINH HỌC NGHỀ NĂM 2016

Đơn vị tính: người

[illegible]

[illegible]

STT	Chỉ tiêu	Mã số (1)	Tổng số học sinh, sinh viên tuyển mới	Trong tổng số				Kế hoạch Năm 2016								
				Nữ	Dân tộc thiểu số		Số LĐNT được học nghề		Cao đẳng nghề		Trung cấp nghề		Sơ cấp nghề		Dạy nghề dưới 3 tháng	
					Tổng số	Tr.đó: Nữ	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tuyển mới	Tốt nghiệp
A	B	C	1= 7+ 9+ 11+ 13	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Phân theo nghề đào tạo ⁽¹⁾															
1			0													
2			0													
IV	Dạy nghề dưới 3 tháng	540	300	0	0	0										
	Phân theo nghề đào tạo ⁽¹⁾															
1	Nghề Cơ khí		120												120	
2	Nghề Điện - Điện tử		180												180	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

SỐ HỌC SINH, SINH VIÊN HỌC NGHỀ CÓ MẶT ĐẦU NĂM TẠI CƠ SỞ

Đơn vị tính: người

STT	Chỉ tiêu	Mã số ⁽¹⁾	Tổng số học sinh, sinh viên	Trong tổng số			Tổng số học sinh, sinh viên chia theo năm đào tạo				
				Nữ	Dân tộc thiểu số		Năm thứ 1	Tr. đó:		Năm thứ 2	Năm thứ 3
					Tổng số	Tr. đó: Nữ		<3 Thg	SCN		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số	400	595	79	0	0	595	0	0	0	0
	Theo trình độ đào tạo:										
I	Cao đẳng nghề	410	86	11	0	0	86	x	x	0	0
	<i>Phân theo nghề đào tạo⁽¹⁾</i>										
1	Công nghệ Ô tô	50510222	66	0	0	0	66	x	x		
2	Quản trị Doanh nghiệp vừa và nhỏ	50340402	20	11	0	0	20	x	x		
	Trong đó nghề trọng điểm										
	Nghề Công nghệ Ô tô										
II	Trung cấp nghề	420	509	68	0	0	509	x	x	0	x
	<i>Phân theo nghề đào tạo⁽¹⁾</i>										
1	Điện tử công nghiệp	40510345	44	0	0	0	44	x	x		x
2	Điện công nghiệp	40510302	49	0	0	0	49	x	x		x
3	Lắp đặt thiết bị lạnh	40510257	52	0	0	0	52	x	x		x
4	Cắt gọt kim loại	40510201	53	0	0	0	53	x	x		x
5	Công nghệ Ô tô	40510222	113	0	0	0	113	x	x		x
6	Quản trị mạng máy tính	40480206	127	14	0	0	127	x	x		x
7	Máy thời trang	40540205	29	24	0	0	29	x	x		x
8	Kế toán doanh nghiệp	40340301	42	30	0	0	42	x	x		x
	Trong đó nghề trọng điểm										
	Công nghệ Ô tô										
	Điện tử công nghiệp										
	Điện công nghiệp										

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2016



Phạm Hữu Lộc

STT	Chỉ tiêu	Mã số (1)	Tổng số học sinh, sinh viên tuyển	Trong tổng số		Tổng số học sinh, sinh viên tuyển mới chia theo đối tượng ưu tiên											
				Nữ	Dân tộc thiểu số		Không ưu tiên	Đối tượng 01	Đối tượng 02	Đối tượng 03	Đối tượng 04	Đối tượng 05	Đối tượng 06	Đối tượng 07	Đối tượng 08	Đối tượng 09	Đối tượng 10
					Tổng số	Tr.đó: Nữ											
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
6	Điện tử công nghiệp	40510345	0														
7	Kế toán doanh nghiệp	40340301	0														
8	Kỹ thuật mạng ngoại vi và thiết bị đầu cuối	40510355	0														
9	Lắp đặt thiết bị lạnh	40510257	0														
10	Máy thời trang	40540205	0														
11	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	40340402	0														
12	Quản trị mạng máy tính	40480206	0														
13	Tài chính doanh nghiệp	40340201	0														
	Trong đó nghề trọng điểm																
1	Nghề Cắt gọt kim loại.																
2	Nghề Công nghệ Ô tô																
3	Nghề Điện tử công nghiệp																
4	Nghề Điện công nghiệp																
III	Sơ cấp nghề		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	<i>Phân theo nghề đào tạo ⁽¹⁾</i>																
1			0														
2			0														
IV	Dạy nghề dưới 3 tháng		19	0	0	0	19	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	<i>Phân theo nghề đào tạo ⁽¹⁾</i>																
1	Nghề Cơ khí		8				8										
2	Nghề Điện - Điện tử		11				11										

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

THÔNG TIN VỀ SINH VIÊN TUYỂN MỚI TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ TẠI CƠ SỞ QUÝ I (6 THÁNG, 9 THÁNG)
Quý I Trường chưa có số liệu tuyển mới

Đơn vị tính: người

TT	Chi tiêu (Nghề đào tạo; Họ và tên)		Mã số nghề (1), Mã học sinh	CMND		Năm sinh	Giới tính		Dân tộc		Hộ khẩu thường trú (Tỉnh Thành phố)	Trong đó:															
							Nam (x)	Nữ (x)	Kinh (x)	Dân tộc thiểu số		Phân theo đối tượng ưu tiên										Phân theo đối tượng chính sách					
	Có (x)	Dân tộc (Mường, Tày,...)		Không ưu tiên (x)	Đối tượng 01 (x)					Đối tượng 02 (x)		Đối tượng 03 (x)	Đối tượng 04 (x)	Đối tượng 05 (x)	Đối tượng 06 (x)	Đối tượng 07 (x)	Đối tượng 08 (x)	Đối tượng 09 (x)	Đối tượng 10 (x)	Sinh viên được vay tín dụng theo QĐ 157 (2) (x)	Sinh viên được cứ tuyển (3) (x)	Sinh viên là con em người có công, hộ nghèo (x)	Sinh viên được đặt hàng đào tạo ⁽⁴⁾ (x)				
B	C	D	E	F	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
Tổng cộng						0	0	0	0			3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
I	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)		50480211				0	0	0	0			1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1												x															
2																											
II	Cắt gọt kim loại		50510201				0	0	0	0			2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3													x														
4													x														
Trong đó nghề trọng điểm																											
III	Nghề																										
9																											

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2016



Phạm Hữu Lộc

THÔNG TIN VỀ HỌC SINH TUYỂN MỚI TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ TẠI CƠ SỞ QUÝ 1 (6 THÁNG, 9 THÁNG)

Quý I Trường chưa có số liệu tuyển mới

Đơn vị tính: người

TT	Chỉ tiêu (Nghề đào tạo; Họ và tên)		Mã số nghề (Mã học sinh	CMND		Năm sinh	Giới tính		Dân tộc		Hộ khẩu thường trú (Tỉnh Thành phố)	Trong đó:																Phân theo đối tượng chính sách			
							Nam (x)	Nữ (x)	Kinh (x)	Dân tộc thiểu số		Phân theo đối tượng ưu tiên																Học sinh được vay tín dụng theo QĐ	Học sinh được cử tuyển	Học sinh là con em người có công	Học sinh được đặt hàng đào tạo
	Có (x)	Dân tộc (Mường, Tày,...)		Không ưu tiên (x)	Đối tượng 01 (x)					Đối tượng 02 (x)		Đối tượng 03 (x)	Đối tượng 04 (x)	Đối tượng 05 (x)	Đối tượng 06 (x)	Đối tượng 07 (x)	Đối tượng 08 (x)	Đối tượng 09 (x)	Đối tượng 10 (x)												
A	B	C	D	E	F	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22				
	Tổng cộng																														
I	Điện tử dân dụng		40510344				0	0	0	0			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
1																															
2																															
3																															
4																															
5																															
II	Nghệ thuật		40810201				0	0	0	0			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
6																															
7																															
8																															
9																															
10																															
11																															
12																															
	Trong đó nghề trọng điểm																														
III	Nghề																														
13																															
14																															
15																															
16																															

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2016

TRƯỜNG
CAO ĐẲNG KỸ THUẬT
LÝ TỰ TRỌNG
TP. HỒ CHÍ MINH
Phạm Hữu Lộc

THÔNG TIN VỀ HỌC SINH TUYỂN MỚI TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP NGHỀ VÀ DẠY NGHỀ DƯỚI 3 THÁNG TẠI CƠ SỞ QUÍ 1(6 THÁNG, 9 THÁNG)

Đơn vị tính: người

	Chỉ tiêu (Nghề đào tạo; Họ và tên)		Mã số nghề ⁽¹⁾ , Mã học sinh	CMND		Năm sinh	Giới tính		Dân tộc		Hộ khẩu thường trú (Tỉnh Thành phố)	Trong đó:																Phân theo đối tượng chính sách			
							Nam (x)	Nữ (x)	Kinh (x)	Dân tộc thiểu số		Phân theo đối tượng ưu tiên																Dạy nghề cho LĐNT ⁽⁵⁾			Đối tượng khác (x)
	Có (x)	Dân tộc (Mường, Tày, ...)								Không ưu tiên (x)		Đối tượng 01 (x)	Đối tượng 02 (x)	Đối tượng 03 (x)	Đối tượng 04 (x)	Đối tượng 05 (x)	Đối tượng 06 (x)	Đối tượng 07 (x)	Đối tượng 08 (x)	Đối tượng 09 (x)	Đối tượng 10 (x)	ĐT nhóm 1 (x)	ĐT nhóm 2 (x)	ĐT nhóm 3 (x)							
A	B	C	D	E	F	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22				
	Tổng cộng (=A+B)						7	0	7	0			7	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
A	Trình độ Sơ cấp nghề						0	0	0	0			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
B	Dạy nghề dưới 3 tháng						7	0	7	0			7	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
I	Ngành Cơ khí						2	0	2	0			2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
1	Ngô Tấn	Tài					x		x				x																		
2	Lê Anh	Duy					x		x				x																		
3	Nguyễn Tấn	Đình					x		x				x																		
4	Nguyễn Văn	Thùy					x		x				x																		
5	Nguyễn Văn	Hùng					x		x				x																		
6	Trương Văn	Tiêu					x		x				x																		
7	Lê Văn	Huy					x		x				x																		
8	Lê Ngọc	Tú					x		x				x																		
II	Ngành Điện-Điện tử						5	0	5	0			5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
1	Lại Văn	Dũng					x		x				x																		
2	Võ Văn	Chiến					x		x				x																		
3	Bùi Minh	Sung					x		x				x																		
4	Tăng Vĩnh	Linh					x		x				x																		
5	Nguyễn Minh	Thảo					x		x				x																		
6	Tô Đình	Tuyền					x		x				x																		
7	Ngô Thành	Đạt					x		x				x																		
8	Trần Minh	Tâm					x		x				x																		
9	Trần Quốc	Thái					x		x				x																		
10	Hồ Đăng	Sói					x		x				x																		
11	Phạm Trọng	Nghĩa					x		x				x																		

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2016



Phạm Hữu Lộc

SỐ HỌC SINH, SINH VIÊN HỌC NGHỀ (THEO ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH) TUYỂN MỚI TẠI CƠ SỞ TRONG QUÝ 1 (6 THÁNG, 9 THÁNG)
Hiện chưa có

Đơn vị tính: người

[illegible]

STT	Chỉ tiêu	Mã số (1)		Đạy nghề cho lao động nông thôn (5)												Đối tượng khác			
				Đối tượng nhóm 1				Đối tượng nhóm 2				Đối tượng nhóm 3							
		Sơ cấp nghề	Đạy nghề dưới 3 tháng	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
					Nữ	Dân tộc thiểu số			Nữ	Dân tộc thiểu số			Nữ	Dân tộc thiểu số			Nữ	Dân tộc thiểu số	
						Tổng số	Tr. đó: Nữ			Tổng số	Tr. đó: Nữ			Tổng số	Tr. đó: Nữ			Tổng số	Tr. đó: Nữ
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	Trình độ Sơ cấp nghề			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Phân theo nghề đào tạo ⁽¹⁾																		
1			X																
2			X																
II	Đạy nghề dưới 3 tháng			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Phân theo nghề đào tạo ⁽¹⁾																		
1		X																	
2		X																	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

Biểu số: 07 HS,SV TN

Quý I Trường chưa có sổ liệu tốt nghiệp

Đơn vị tính: người

[illegible]

TT	Chỉ tiêu	Mã số (1)	Tổng số HS, SV đủ điều kiện dự thi	Tổng số học sinh, sinh viên tốt nghiệp	Trong tổng số		Phân loại tốt nghiệp					Tổng số học sinh, sinh viên tốt nghiệp chia theo đối tượng ưu tiên											
					Nữ	Dân tộc thiểu số		Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	Loại trung bình khá	Loại trung bình	Không ưu tiên	Đối tượng	Đối tượng	Đối tượng	Đối tượng	Đối tượng	Đối tượng	Đối tượng	Đối tượng	Đối tượng	Đối tượng
						Tổng số	Tr.đó: Nữ							01	02	03	04	05	06	07	08	09	10
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1				0																			
2				0																			
III	Dạy nghề dưới 3 tháng		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Phân theo nghề đào tạo ⁽¹⁾																						
1				0																			
2				0																			

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2016



Phạm Hữu Lộc

THÔNG TIN VỀ SINH VIÊN TỐT NGHIỆP TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ TẠI CƠ SỞ QUÍ 1 (6 THÁNG, 9 THÁNG)

Quý I Trường chưa có số liệu tốt nghiệp

Đơn vị tính: người

TT	Chỉ tiêu (Nghề đào tạo; Họ và tên)		Mã số nghề ⁽¹⁾ Mã học sinh	Giới tính		Dân tộc			Đủ điều kiện đự thi tốt nghiệp (x)	Phân loại tốt nghiệp					Trong đó:										Phân theo đối tượng chính sách				
				Nam (x)	Nữ (x)	Kinh (x)	Dân tộc thiểu số			Loại xuất sắc (x)	Loại giỏi (x)	Loại khá (x)	Loại trung bình (x)	Loại trung bình (x)	Phân theo đối tượng ưu tiên										Phân theo đối tượng chính sách				
	Có (x)	Dân tộc (Mường Tày,...)					Không ưu tiên (x)	Đối tượng 01 (x)							Đối tượng 02 (x)	Đối tượng 03 (x)	Đối tượng 04 (x)	Đối tượng 05 (x)	Đối tượng 06 (x)	Đối tượng 07 (x)	Đối tượng 08 (x)	Đối tượng 09 (x)	Đối tượng 10 (x)	Sinh viên được vay tín dụng theo QĐ 157 ⁽²⁾ (x)	Sinh viên được cử tuyển ⁽³⁾ (x)	Sinh viên là con em người có công, hộ nghèo	Sinh viên được đặt hàng đào tạo ⁽⁴⁾ (x)		
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
	Tổng cộng			3	1	2	2		4	1	2	1	0	0	3	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0
I	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)		50480211	1	1	1	1		2	1	1	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0
1	Nguyễn Văn	An		x		x			x		x				x														
2	Hoàng Thị	Bình			x		x		x	x								x								x			
3																													
II	Cắt gọt kim loại		50510201	2	0	1	1		2	0	1	1	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Đỗ Văn	Duy		x			x		x		x				x														
5	Vũ Văn	Vinh		x		x			x			x			x														
6																													
III				0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Trong đó nghề trọng điểm																													
IV	Nghề																												

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 5 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG KỸ THUẬT
LÝ TỰ TRỌNG
TP.HỒ CHÍ MINH
Phạm Hữu Lộc

Quý I Trường chưa có số liệu tốt nghiệp

[illegible]

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2016



THÔNG TIN VỀ HỌC SINH TỐT NGHIỆP TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP NGHỀ VÀ DẠY NGHỀ DƯỚI 3 THÁNG QUÝ 1 (6 THÁNG, 9 THÁNG)
Quý I Trường chưa có số liệu tốt nghiệp

Đơn vị tính: người

TT	Chỉ tiêu (Nghề đào tạo; Họ và tên)		Mã số nghề (1), Mã học sinh	Giới tính		Dân tộc		Đủ điều kiện dự thi tốt nghề	Phân loại tốt nghiệp					Trong đó:												Phân theo đối tượng chính sách			
				Nam (x)	Nữ (x)	Kinh (x)	Dân tộc thiểu số		Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	Loại trung binh khá	Loại trung binh	Phân theo đối tượng ưu tiên										Dạy nghề cho LĐNT (5)			Đối tượng khác (x)		
	Có (x)	Dân tộc (Mường, Tày,...)					Không ưu tiên (x)							Đối tượng 01 (x)	Đối tượng 02 (x)	Đối tượng 03 (x)	Đối tượng 04 (x)	Đối tượng 05 (x)	Đối tượng 06 (x)	Đối tượng 07 (x)	Đối tượng 08 (x)	Đối tượng 09 (x)	Đối tượng 10 (x)	ĐT nhóm 1 (x)	ĐT nhóm 2 (x)	ĐT nhóm 3 (x)			
B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
	Tổng cộng (=A+B)			0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
A	Trình độ Sơ cấp			0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
I				0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1																													
2																													
II				0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3																													
4																													
III				0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
B	Dạy nghề dưới 3			0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
I				0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1																													
2																													
3																													
II				0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4																													
5																													
III				0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

Biểu số: 07.4 - HS,SV TN ĐTCS

Quý I Trường chưa có sổ liệu tốt nghiệp

Đơn vị tính: người

[illegible]

hệ và dạy nghề dưới 3 tháng

[illegible]

STT	Chỉ tiêu	Mã số (1)		Đạy nghề cho lao động nông thôn (5)												Đối tượng khác			
				Đối tượng nhóm 1				Đối tượng nhóm 2				Đối tượng nhóm 3							
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
			Nữ	Dân tộc thiểu số			Nữ	Dân tộc thiểu số			Nữ	Dân tộc thiểu số			Nữ	Dân tộc thiểu số			
				Tổng số	Tr. đó: Nữ			Tổng số	Tr. đó: Nữ			Tổng số	Tr. đó: Nữ			Tổng số	Tr. đó: Nữ		
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2			x																
II	Đạy nghề dưới 3 tháng			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Phân theo nghề đào tạo ⁽¹⁾																		
1		x																	
2		x																	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2016



Phạm Hữu Lộc

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU CHI CHO DẠY NGHỀ THỰC HIỆN NĂM 2015,
ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2016, KẾ HOẠCH NĂM 2017**

Đvt: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU BÁO CÁO	THỰC HIỆN Năm 2015 (Năm trước năm báo cáo)	ƯỚC THỰC HIỆN Năm 2016 (Năm báo cáo)		DỰ KIẾN KH Năm 2017 (Năm sau năm báo cáo)
			6 tháng	Cả năm	
I	Tổng thu	7,387	5,870	8,126	9,751
1	Nguồn NSNN cấp:	5,561	4,865	6,117	7,340
	- Trung ương				
	- Địa phương	5,561	4,865	6,117	7,340
2	Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp	1,826	1,005	2,009	2,411
	Trong đó: Thu học phí				
	- Cao đẳng nghề	258	142	284	341
	- Trung cấp nghề	1,261	694	1,388	1,665
	- Sơ cấp nghề và DN < 3 tháng	307	169	338	405
3	Nguồn khác				
II	Tổng chi	7,339	5,843	8,073	9,688
1	Chi thường xuyên	5,561	4,865	6,117	7,340
1.1	* Trong đó				
	Nguồn NSNN cấp				
	- Trung ương				
	- Địa phương	5,561	4,865	6,117	7,340
1.2	* Trong đó:	1,778	978	1,956	2,348
	- Cao đẳng nghề	257	141	283	339
	- Trung cấp nghề	1,261	694	1,388	1,665
	- Sơ cấp nghề và DN < 3 tháng	260	143	286	343
2	Chi đầu tư phát triển				
2.1	* Trong đó				
	Nguồn NSNN cấp:				
	- Trung ương				
	- Địa phương				
2.2	* Trong đó:				
	- Xây dựng nhà xưởng, phòng học				
	- Mua sắm thiết bị dạy nghề				
	- Phát triển chương trình, giáo trình dạy nghề				
	- Phát triển ĐNGV và cán bộ quản lý dạy nghề				

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ TOÁN KINH PHÍ CÁC DỰ ÁN DẠY NGHỀ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ VIỆC LÀM VÀ DẠY NGHỀ NĂM 2016

Trường thực hiện dạy nghề từ tháng 9/2015, nên chưa xây dựng dự toán kinh phí các dự án dạy nghề

TT	Chi tiêu	Thực hiện năm 2015 (năm trước năm báo cáo)				Ước thực hiện năm 2016 (năm báo cáo)								Dự kiến KH năm 2017 (năm sau năm báo cáo)			
		Tổng	Chi tiết			6 tháng			Cả năm			Tổng	Chi tiết				
			NSTW		NSDP, nguồn khác	Tổng	NSTW		NSDP, nguồn khác	Tổng	NSTW		NSDP, nguồn khác				
Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn ĐTPT			Vốn SN										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
A	Dự án Đổi mới và phát triển dạy nghề																
I	Theo nội dung sử dụng kinh phí																
II	Theo đối tượng sử dụng kinh phí																
B	Dự án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn																

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2016



Phạm Hữu Lộc